

CÁC CẤP ĐỘ VÀ XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ XÃ HỘI HỌC

LÊ NGỌC HÙNG^(*)

O Việt Nam, nhiều nghiên cứu về vấn đề biến đổi xã hội trong các lĩnh vực và chiều cạnh của đời sống xã hội đã được thực hiện. Trong đó, các cuộc điều tra xã hội học đã chỉ ra được các đặc điểm và tính chất của sự biến đổi xã hội trong thời gian qua, ví dụ ở nông thôn miền Bắc, cấu trúc xã hội đơn điệu về giai tầng xã hội biến đổi sang cấu trúc xã hội phức tạp với rất nhiều giai tầng và nhóm xã hội rất đa dạng. Tuy nhiên, các kết quả điều tra khảo sát về chủ đề này chưa được khái quát hoá để phát hiện ra những xu hướng của sự biến đổi xã hội trên các cấp độ xã hội từ vi mô đến vĩ mô. Đây chính là mục đích và nội dung chủ yếu của bài viết này.

1. Biến đổi xã hội: khái niệm và các cấp độ

Khái niệm

Biến đổi xã hội là quá trình xã hội trong đó các yếu tố cấu thành của xã hội và cả hệ thống xã hội thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác.

Khái niệm biến đổi xã hội vừa nêu cho thấy bất kỳ một sự thay đổi nào ở thành phần và cấu trúc của xã hội đều được gọi là “sự biến đổi xã hội”. Biến đổi xã hội diễn ra ở quy mô, cấu trúc và

thành phần của xã hội như nhóm xã hội, vị thế xã hội, vai trò xã hội, thiết chế xã hội, văn hoá, mạng lưới xã hội và toàn bộ hệ thống xã hội mà các yếu tố này tạo nên. Cùng với chiều cạnh cấu trúc-hệ thống xã hội còn có chiều cạnh thời gian: bất kỳ một sự biến đổi xã hội nào cũng diễn ra trong khung thời gian nhất định và có thể làm tạm thời, ngắn gọn hoặc bền vững, lâu dài.

Thực chất, biến đổi với tính cách là một dạng của sự vận động là phương thức tồn tại của vạn vật, trong đó có xã hội với tất cả các thành phần và cấu trúc rất phức tạp của nó. Nói cách khác, các thực thể xã hội, các hiện tượng xã hội luôn ở trong trạng thái vận động và biến đổi không ngừng. Ví dụ, trong lĩnh vực dân số: mỗi năm Việt Nam có thêm hơn 1 triệu trẻ em ra đời; trong lĩnh vực kinh tế: kể từ năm 1986 đến nay mức sống của người dân Việt Nam liên tục được cải thiện; trong lĩnh vực quan hệ quốc tế: Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO.

Sự biến đổi xã hội có thể diễn ra một

^(*) PGS., TS. Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

cách tuần tự, từ từ theo quy luật tiến hoá hoặc diễn ra một cách mạnh mẽ và đột ngột dưới tác động của các cuộc cách mạng. Sự biến đổi xã hội từ chế độ phong kiến lên TBCN là sự biến đổi có tính chất cách mạng. Sự biến đổi từ xã hội TBCN lên xã hội XHCN là sự biến đổi có tính chất cách mạng. Sự biến đổi xã hội có thể theo chiều hướng suy thoái với biểu hiện là mỗi trạng thái tiếp theo lại trở nên thấp kém hơn trạng thái trước đó. Sự biến đổi xã hội có thể theo chiều hướng phát triển, tiến bộ với đặc trưng là trạng thái tiếp theo đạt tới mức hoàn thiện cao hơn trạng thái trước đó.

Các cấp độ biến đổi xã hội

Các quan niệm trước đây về sự biến đổi thường tập trung vào cấp độ vĩ mô tức là sự biến đổi của những xã hội loài người hoặc chỉ chú ý đến một cấp độ nhất định của sự biến đổi xã hội, ví dụ một vùng nông thôn hoặc thành thị. Cần thấy rằng khái niệm biến đổi xã hội như vừa nêu ở trên hàm ý rằng sự biến đổi xã hội có thể diễn ra trên từng cấp độ từ bộ phận – vi mô đến toàn thể – vĩ mô và mối quan hệ giữa các bộ phận và giữa các bộ phận với tổng thể, tức là sự biến đổi liên cấp. Cụ thể như sau:

Trên cấp độ vi mô, sự biến đổi xã hội thể hiện rõ nhất ở sự biến đổi nhận thức, thái độ và hành vi của các cá nhân và các nhóm nhỏ. Trên cấp độ này còn diễn ra sự biến đổi của gia đình về cả quy mô, thành phần và các mối quan hệ giữa các thế hệ.

Trên cấp độ trung mô, sự biến đổi xã hội thể hiện rõ nhất ở sự biến đổi mô hình tổ chức, cấu trúc của tổ chức. Ví dụ rõ nhất là sự biến đổi của tổ chức từ dựa vào cấu trúc tình cảm kiểu tổ chức gia

đình sang dựa vào cấu trúc chức năng kiểu tổ chức nhiệm sở (tổ chức quan liêu – bureaucratic organization).

Trên cấp độ vĩ mô, sự biến đổi xã hội thể hiện rõ nhất ở sự biến đổi của các hệ thống cấu trúc xã hội, ví dụ biến đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, biến đổi cấu trúc phân công lao động dựa vào quan hệ gia đình, dòng họ sang dựa vào chức năng, nhiệm vụ.

Các nghiên cứu xã hội học về sự biến đổi xã hội thường mắc phải hai loại sai sót. Đó là: *một*, nghiên cứu tập trung vào sự biến đổi xã hội trên cấp độ này mà xem nhẹ hoặc bỏ qua sự biến đổi xã hội ở các cấp độ khác. Cách tiếp cận này dễ tạo ra khả năng “thấy cây mà không thấy rừng”, tức là chỉ nhìn thấy sự biến đổi ở từng bộ phận mà thiếu cái nhìn về tổng thể của sự biến đổi xã hội; *hai*, các nghiên cứu tập trung nhiều vào sự biến đổi của từng thành phần của hệ thống xã hội mà ít phân tích sự biến đổi ở mối quan hệ giữa các thành phần. Ngay cả những nghiên cứu về sự biến đổi cấu trúc xã hội cũng chủ yếu tập trung vào sự biến đổi về các thành tố của cấu trúc mà ít chú ý đến các mối quan hệ giữa các thành tố của cấu trúc. Nghiên cứu về sự biến đổi luôn rất phức tạp do đối tượng là sự biến đổi xã hội và sẽ phức tạp hơn nữa khi xem xét sự biến đổi của mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm, giai tầng và cả hệ thống xã hội trong những khung cảnh lịch sử cụ thể theo chiều thời gian.

2. Một số xu hướng biến đổi xã hội ở Việt Nam hiện nay

Biến đổi xã hội ở cấp độ vi mô: thái độ đối với công việc và thu nhập

Sự hài lòng là một trạng thái trải nghiệm của cá nhân, phản ánh mối quan hệ của con người với những sự kiện nhất định của xã hội. Sự hài lòng cũng biến đổi theo thời gian: ví dụ, sự hài lòng của người dân đối với công việc của mình đã tăng từ 57,5% lên 72,1% trong những năm 1992-1997. Trong các nhóm dân cư, nhóm có mức sống trung bình có thay đổi lớn nhất về tỉ lệ hài lòng: từ 49,1% lên 80%.

Sự biến đổi về tỉ lệ hài lòng đối với mức thu nhập của người dân diễn ra nhanh gần gấp đôi: từ 24% năm 1992 lên 42,9% năm 1997. Trong năm nhóm dân cư, nhóm có mức sống trung bình có tốc độ thay đổi nhanh nhất: hơn gấp hai lần, từ 18,9% lên 49,2% trong cùng thời kỳ này (2, tr.43).

Biến đổi hệ giá trị cá nhân - động lực bên trong của sự biến đổi xã hội

Giá trị cá nhân là những gì mà mỗi cá nhân cho là quan trọng, cần thiết và theo đuổi để đạt được. Giá trị cá nhân có thể là sự thành đạt, sự giàu có, tri thức, học vấn, tự do, sáng tạo, gia đình, v.v...

Sự biến đổi hệ giá trị cá nhân diễn ra trên cấp độ vi mô, thể hiện ở chỗ các cá nhân coi trọng những giá trị gì, xếp hạng các giá trị cá nhân ra sao. Xét trên khía cạnh này có thể thấy một bức tranh rất mâu thuẫn sau đây: *một mặt*, các cá nhân nhất là thanh niên đang ngày càng coi trọng sự thành đạt cá nhân, sự độc lập và sẵn sàng làm bất cứ việc gì mà pháp luật không cấm để có thu nhập. Tức là có sự thay đổi rất lớn so với thế hệ cha ông chỉ muốn làm việc trong khu vực nhà nước. Nhưng *mặt khác*, một giá trị cá nhân là “học vấn” vẫn tiếp tục được duy trì và thể hiện rõ qua tỉ lệ đến trường của trẻ em tăng

liên tục, ví dụ tỉ lệ nhập học học sinh bậc trung học phổ thông tăng từ 32% năm học 2000-2001 lên hơn 54% năm học 2005-2006 và vẫn tiếp tục tăng lên (xem: 3). Đó còn là số lượng thí sinh đăng ký dự thi đại học năm nay luôn cao hơn năm trước, bất chấp các chính sách phân ban, phân luồng giáo dục phổ thông đã được thực hiện nhiều năm. Cho dù tỉ lệ dân số 15 tuổi trở lên được đào tạo chuyên môn kỹ thuật của Việt Nam còn rất thấp và chỉ đạt 13,4% năm 2009, nhưng tỉ lệ này đã tăng liên tục trong 10 năm qua ở cả thành thị và nông thôn. Ở thành thị, tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo chuyên môn kỹ thuật đã tăng từ 17,5% năm 1999 lên 25,5% năm; ở nông thôn tỉ lệ này tăng từ 4% lên 8% trong cùng thời kỳ. Nhờ trình độ học vấn và chuyên môn nghề nghiệp của người lao động Việt Nam tăng dần, mặc dù còn chậm và còn thấp, nên năng suất lao động của Việt Nam cũng tăng lên, ví dụ: năng suất lao động bình quân đầu người tăng từ 11,7 triệu đồng/người năm 2000 lên 32,9 triệu đồng/người năm 2008 (xem: 3).

Biến đổi sự phân công lao động trong xã hội

Từ cuối những năm 1980 đến nay, các cuộc điều tra về cấu trúc xã hội lao động-nghề nghiệp ở nông thôn đều góp phần phát hiện và làm rõ xu hướng biến đổi mô hình phân công lao động theo kinh tế thị trường. Cấu trúc xã hội-nghề nghiệp gồm hai thành phần cơ bản là nông dân tập thể của nhà nước và nông dân hợp tác xã đặc trưng cho thời kỳ quản lý tập trung-hành chính-mệnh lệnh-quan liêu-bao cấp đang chuyển mạnh sang cấu trúc xã hội-nghề nghiệp đa dạng đặc trưng cho thời kỳ Đổi mới

với các hộ nông dân tự chủ sản xuất kinh doanh, trong đó nổi bật ba nhóm nghề nghiệp chính là thuần nông, phi nông và hỗn hợp nghề nông với nghề phi nông.

Trên phạm vi toàn xã hội gồm cả thành thị và nông thôn, một hình thức biến đổi xã hội to lớn nhất trong thời gian qua ở Việt Nam là sự biến đổi trong phân công lao động theo ngành kinh tế và khu vực kinh tế. Tỷ lệ lao động đã tăng nhanh trong thành phần có vốn đầu tư nước ngoài, tăng từ 0,99% năm 2000 lên 3,73% năm 2008; trong khi tỷ lệ lao động trong thành phần kinh tế nhà nước giảm từ 9,31% xuống còn 9,07% và ngoài nhà nước giảm từ 89,70% xuống 87,20% trong cùng thời kỳ (xem: 3). Cơ cấu lao động theo ngành nghề biến đổi mạnh trong vòng 10 năm qua: cụ thể là tỷ lệ lao động trong nông nghiệp giảm mạnh từ 69,4% năm 1999 xuống còn 51,8% năm 2009, tỷ lệ lao động công nghiệp và xây dựng tăng từ 14,9% lên 15,4% và tỷ lệ lao động dịch vụ tăng mạnh từ 15,7% lên 32,8% trong cùng thời kỳ này (xem: 3). Biến đổi trong phân công lao động tất yếu sẽ dẫn đến biến đổi xã hội ở cấp độ vĩ mô: xã hội nông nghiệp chuyển dần sang xã hội công nghiệp - dịch vụ và cấu trúc xã hội thành thị-nông thôn cũng biến đổi theo hướng đô thị hoá. Điều này thể hiện rõ ở tỷ lệ dân số thành thị đã tăng từ 23,5% năm 1999 lên 29,6% năm 2009 và tỷ lệ dân số nông thôn giảm từ 74,5% xuống còn 70,4% trong những năm 1999-2009 (xem: 4).

Biến đổi mức sống và cấu trúc phân tầng xã hội

Xét theo tiêu chí mức sống đo bằng thu nhập bình quân đầu người, có thể thấy khoảng cách thu nhập giữa thành

thị và nông thôn dần dần bị thu hẹp, ví dụ khoảng cách này đã giảm từ mức 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2,1 lần năm 2006. Xu hướng biến đổi về mức sống của các vùng diễn ra phức tạp hơn nhưng đều theo xu hướng cải thiện về mức thu nhập bình quân đầu người qua các năm trong giai đoạn 1991-2006.

Cấu trúc phân tầng xã hội biến đổi nhanh chóng và thể hiện rõ qua tỷ lệ nghèo chung trên phạm vi cả nước đã giảm mạnh từ 37,4% năm 1998 xuống 13,5% năm 2008. Trong 8 vùng địa lý kinh tế cả nước, những vùng nghèo có tốc độ giảm nghèo nhanh nhất, ví dụ: vùng Tây Nguyên, tỷ lệ nghèo giảm từ 52,4% năm 1998 xuống còn 11,1% năm 2008; và vùng Tây Bắc giảm hơn 3,5 lần tỷ lệ nghèo từ mức 73,4% xuống còn 19,8% trong cùng thời kỳ này. Điều này có nghĩa là tầng đáy gồm những người nghèo khổ của mô hình cấu trúc xã hội Việt Nam nói chung và của từng vùng miền nói riêng đều đã giảm rất mạnh trong hơn mười năm qua. Chỉ riêng điều này cũng đã làm cho mô hình cấu trúc hình tháp với tầng đáy rất rộng, gồm những người nghèo khổ có mức thu nhập dưới ngưỡng nghèo chung đã bị thu hẹp lại, và do vậy cả hình tháp biến đổi thành hình thoi với đặc trưng là tỷ lệ nghèo tức là tầng đáy của mô hình đã bị co nhỏ lại (xem: 5).

Việc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất chuẩn nghèo mới^(*), theo đó chuẩn nghèo nông thôn trước đây là mức thu nhập bình quân 200.000 đồng/người/tháng tăng lên 350.000 đồng/người/tháng và chuẩn nghèo

^(*) Tỷ lệ hộ nghèo được tính theo thu nhập bình quân 1 người 1 tháng với chuẩn mới của Chính phủ giai đoạn 2006-2010, trong đó thành thị 260.000 đồng; nông thôn 200.000 đồng.

thành thị tăng từ mức thu nhập trung bình 260.000 đồng/người/tháng lên 450.000 đồng/người/tháng làm cho tỉ lệ nghèo sẽ tăng lên tới 20%. Nhưng điều này sẽ giúp cho nhiều người sống “cận nghèo”, gần ngưỡng nghèo trước đây sẽ được hưởng sự hỗ trợ từ chính sách giảm nghèo. Điều đó cũng có nghĩa là cả cấu trúc xã hội hình thoi đều được cải thiện theo xu hướng mức sống của các giai tầng xã hội từ nhóm nghèo nhất đến nhóm giàu nhất đều tăng, mặc dù mức tăng không đồng đều giữa các giai tầng, các nhóm xã hội. Mối quan hệ giữa các giai tầng xã hội, các nhóm xã hội biến đổi theo xu hướng cởi mở, thông cảm, hợp tác cùng hướng vào phát triển, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, tự do, dân chủ, văn minh và hạnh phúc.

3. Kết luận

Xã hội Việt Nam đang biến đổi mạnh mẽ và sâu rộng theo đường lối đổi mới toàn diện đời sống kinh tế-xã hội do Đảng và Nhà nước ta khởi xướng từ năm 1986 đến nay. Một trong những biểu hiện rõ nhất của sự biến đổi này là đổi mới kinh tế theo cơ chế thị trường XHCN. Biến đổi cơ cấu kinh tế gắn liền với biến đổi cấu trúc xã hội diễn ra trên tất cả các cấp độ từ vi mô là cá nhân, gia đình đến vĩ mô là toàn thể xã hội.

Việc phân tích sự biến đổi xã hội trên các cấp độ giúp ta hiểu rõ hơn, đầy đủ hơn tính chất phức tạp và các chiều hướng của sự biến đổi xã hội Việt Nam trong thời gian qua, từ đó có thể dự báo xu hướng biến đổi trong tương lai.

Có thể thấy sự biến đổi xã hội trên cấp độ vi mô là người dân thấy thoải mái hơn với công việc và thu nhập của

minh. Học vấn nói chung và nhất là trình độ học vấn và chuyên môn cao trở thành giá trị quan trọng và cần thiết đối với mỗi cá nhân và mỗi cộng đồng xã hội, từ làng xã đến toàn xã hội, và đóng vai trò là động lực và nguồn vốn người cho sự phát triển cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội. Cấu trúc lao động xã hội biến đổi theo xu hướng giảm lao động nông nghiệp và tăng lao động công nghiệp, dịch vụ. Cấu trúc phân tầng xã hội về mức sống biến đổi từ mô hình tháp với tỉ lệ nghèo rất cao đặc trưng cho thời kỳ quản lý kinh tế kiểu cũ đã chuyển mạnh sang mô hình thoi với tỉ lệ nghèo thấp. Khoảng cách giàu nghèo trong cấu trúc xã hội cũng biến đổi theo xu hướng tăng nhanh dần vào những năm đầu của thời kỳ đổi mới, nhưng sau đó tăng chậm dần trong những năm gần đây, và sẽ được kiềm chế tốc độ gia tăng, tiến tới giảm dần trong tương lai.

Tuy nhiên, cách tiếp cận liên cấp còn đòi hỏi phải xem xét chiều tác động của sự biến đổi chính sách, thiết chế, tức là chiều tác động vĩ mô đến cá nhân con người. Sự biến đổi xã hội có thể tạo ra cả những hệ lụy không mong muốn, nhưng phải chấp nhận để có thể kiểm soát một cách phù hợp, ví dụ như sự biến đổi xã hội dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo, bất bình đẳng giới và bất bình đẳng xã hội giữa các cá nhân, hộ gia đình, vùng miền. Cũng như có cả những biến đổi về hệ giá trị không mong muốn và do vậy cần phải kiên trì đấu tranh ngăn chặn như thói tham lam, ích kỷ, đố kỵ, lòng biếng.

(xem tiếp trang 24)